

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2025-HNGĐ-ST
Ngày: 10-4-2025
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Dung
- Bà Hồ Thị Kim Luyến

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Thanh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Lê L, phường Cái K, TP. Cần Thơ. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông **Mai Trung N**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Lê L, phường Cái K, TP. Cần Thơ.

Địa chỉ liên hệ: phường Hưng L, TP. Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Phạm Thị H bày và yêu cầu:

Bà và ông Mai Trung N quen biết và tiến tới hôn nhân, thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 9, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1991. Sau khi kết hôn, các bản chính Giấy chứng nhận kết hôn cho ông Mai Trung N giữ cho đến nay.

Sau khi cưới thì hai vợ chồng có một khoảng thời gian chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó bà và ông N phát sinh nhiều mâu thuẫn trong quá trình chung sống. Những mâu thuẫn xảy ra trong một thời gian dài, bà đã cố gắng hàn gắn để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Khoảng tháng 11 năm 2024 đến nay mâu thuẫn vợ chồng lên đến đỉnh điểm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích, ý N của hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được giải quyết chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông N.

Thời gian chung sống, bà và ông N có 01 con chung là Mai Trung Hiếu, sinh năm 1991, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc không thể đến dự phiên tòa nên bà H đề nghị được giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn ông Mai Trung N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị H và ông Mai Trung N xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của ông bà được xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh. Do bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận Ninh Kiều nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Bà Phạm Thị H có đề nghị xét xử vắng mặt, Ông Mai Trung N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị H cho rằng quan hệ hôn nhân giữa bà và ông Mai Trung N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có biện pháp hàn gắn, đã sống ly thân thời gian dài, hiện bà và ông N đã không còn tình cảm vợ chồng với nhau nên yêu cầu được ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, theo như bà H

trình bày thì mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà và ông N là trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích trong hôn nhân không đạt được; ông N dù được tòa án triệu tập để hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng vắng mặt, xem như đã không còn thiết tha với cuộc hôn nhân này, không có nhu cầu hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà H, hôn nhân giữa ông bà hiện chỉ còn tồn tại về mặt pháp lý. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H, cần chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông Mai Trung N

[2] Về con chung: Theo như bà H trình bày, thời gian chung sống bà và ông N có 01 con chung là Mai Trung Hiếu, sinh năm ngày 08/09/1991, đã trưởng thành. Do con chung đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị H xác định giữa bà và ông N không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với các vấn đề này.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phạm Thị H phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 28, 35, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị H đối với ông Mai Trung N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Mai Trung N.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị H và ông Mai Trung N có 01 con chung là Mai Trung Hiếu (giới tính: Nam), sinh năm ngày 08/09/1991. Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị H xác định không có. Tuy nhiên, do giải quyết vắng mặt ông Mai Trung N nên không ghi nhận được ý kiến. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp, sẽ được thụ lý giải quyết thành một vụ kiện khác.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005524 ngày 30/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều thành án phí phải nộp. Các đương sự đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THA.DS Q. Ninh Kiều;
- Lưu VT;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Bé Hiền